TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**:** 03/2019/DS-ST
Ngày: 13 – 6 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Thành
Ông Nguyễn Duy Nguyện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư kýTòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 26/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T – sinh năm 19xx
Địa chỉ: xã D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Bà T có mặt
2. Bị đơn: Ông Phạm Công T – sinh năm 19xx
Địa chỉ: xã D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Ông T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2019, bản tự khai,biên bản hòa giải ngày 22/5/2019, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, bà Lê Thị Thanh T trình bày:*

Ngày 17/01/2019, ông Phạm Công T có đến nhà hỏi bà vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để lo việc riêng, thỏa thuận lãi suất 08%/tháng, thời hạn vay 03 tháng tức là đến ngày 17/4/2019 trả hết nợ gốc, các bên có viết giấy vay mượn tiền. Nhưng từ khi vay, ông T không trả lãi cho bà theo hợp đồng vay. Nay bà yêu cầu ông T trả cho bà một lần số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), bà không yêu cầu ông T trả tiền lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**Tại bản tự khai ngày 25/4/2019, biên bản hòa giải ngày 22/5/2019 và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Công T trình bày:*

Do cần tiền giải quyết việc riêng nên ngày 17/01/2019, ông có vay của bà T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) như bà Trinh trình bày. Ông cũng chưa trả tiền lãi cho bà T theo hợp đồng và cũng chưa trả tiền nợ gốc. Nay do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông xin trả mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ. Ông xin bà T không tính tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T yêu cầu ông Phạm Công T trả lại số tiền vay của bà là 30.000.000 đông (Ba mươi triệu đồng). Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, bà Lê Thị Thanh T yêu cầu ông Phạm Công T trả số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), các bên có lập giấy mượn và ký tên; yêu cầu của bà Lê Thị Thanh T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: Ngày 17/01/2019 bà Lê Thị Thanh T có cho ông Phạm Công T vay với số tiền là: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 08%/ tháng nhưng ông T chưa trả lãi cho bà Trinh theo hợp đồng. Bị đơn ông Phạm Công T cũng thừa nhận việc vay nợ như trình bày của nguyên đơn. Việc vay mượn các bên có giấy xác nhận nợ, vì vậy đây là giao dịch hợp pháp nên cần được công nhận. Ông T chưa trả lãi cho bà T theo hợp đồng là vi phạm hợp đồng nên bà T có đơn khởi kiện trước khi đến hạn trả nợ gốc là phù hợp với quy định. Bà T chưa nhận tiền lãi và bà cũng không yêu cầu ông T trả lãi nên không xem xét mức lãi suất trong hợp đồng.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T như sau:

Việc vay mượn tiền nêu trên giữa bà Lê Thị Thanh T và ông Phạm Công T có viết giấy và được các bên thừa nhận nên đây là giao dịch hợp pháp. Căn cứ vào giấy nhận nợ, lời khai của nguyên đơn và bị đơn. Do vậy, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T yêu cầu ông Phạm Công T trả số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng (Ba Triệu đồng) là có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Phạm Công T phải trả cho bà Lê Thị Thanh T số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu lãi suất nên không xem xét.

[6] Án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phạm Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền phải trả là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Số tiền án phí bị đơn phải chịu là: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Thanh T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Phạm Công T phải trả cho bà Lê Thị Thanh T số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí: ông Phạm Công T phải chịu 1.500.000 đồng *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Lê Thị Thanh T 750.000 đồng *(bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/002573 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh.

3. Quy định*:*

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Đức Thuận